

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đề cương, dự toán chi tiết:
Nâng cấp và mở rộng phần mềm chấm điểm chỉ số cải cách hành chính,
chấm điểm mức độ hoàn thành nhiệm vụ đến UBND cấp xã**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT ngày 24/2/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019 của Bộ thông tin và Truyền thông về công bố định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Công văn số 2589/BTTTT-UDCNTT 24/8/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn xác định chi phí phát triển, nâng cấp phần mềm nội bộ;

Căn cứ Quyết định số 4308/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí và phương pháp xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Kế hoạch số 272/KH-UBND ngày 21/12/2020 của UBND tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển

chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2025;

Theo Báo cáo kết quả thẩm định đề cương và dự toán chi tiết của Sở Tài chính tại văn bản số 385/STC-QLNS&TKTC ngày 18/01/2022 về nâng cấp và mở rộng phần mềm chấm điểm chỉ số cải cách hành chính, chấm điểm mức độ hoàn thành nhiệm vụ đến UBND cấp xã (kèm theo ý kiến tham gia của Sở Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 102/STTTT-KHTC ngày 18/01/2022; đề nghị của Sở Nội vụ tại Công văn số 73/SNV-CCHC ngày 11/01/2022).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề cương, dự toán chi tiết nâng cấp và mở rộng phần mềm chấm điểm chỉ số cải cách hành chính, chấm điểm mức độ hoàn thành nhiệm vụ đến UBND cấp xã, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: Sở Nội vụ.
2. Tổ chức, đơn vị lập (hoặc tư vấn lập) đề cương và dự toán chi tiết: Công ty TNHH thương mại và công nghệ Sake.
3. Mục tiêu, quy mô: Nâng cấp và mở rộng phần mềm chấm điểm chỉ số cải cách hành chính, chấm điểm mức độ hoàn thành nhiệm vụ đến UBND cấp xã.
4. Giải pháp kỹ thuật, công nghệ và các nội dung ứng dụng công nghệ thông tin chủ yếu:
 - 4.1. Giải pháp kỹ thuật, công nghệ cần tuân thủ:
Theo đề cương và dự toán chi tiết lập của Sở Nội vụ và được Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định tại công văn số 102/STTTT-KHTC ngày 18/01/2022.
 - 4.2. Giải pháp kỹ thuật, công nghệ cho phép Sở Nội vụ được thay đổi trong quá trình triển khai: Không.
5. Dự toán chi tiết: Tổng cộng: 1.511,0 triệu đồng (Một tỷ, năm trăm mười một triệu đồng). Trong đó:
 - Chi phí thiết bị: 1.438,9 triệu đồng.
 - Chi phí quản lý: 23,4 triệu đồng.
 - Chi phí tư vấn: 48,9 triệu đồng.

(có phụ lục chi tiết kèm theo).
6. Nguồn vốn: Từ nguồn kinh phí công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử và chuyển đổi số trong dự toán ngân sách tỉnh hàng năm.
7. Địa điểm thực hiện: Tại Sở Nội vụ; UBND cấp xã và các đơn vị liên quan.
8. Thời gian thực hiện: Năm 2022.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nội vụ thực hiện triển khai nhiệm vụ tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định; quản lý, sử dụng kinh phí đúng nội dung, thanh quyết toán theo đúng chế độ quy định hiện hành.

2. Căn cứ nội dung phê duyệt tại Quyết định này, giao Sở Tài chính tổng hợp, trình Chủ tịch UBND tỉnh giao kinh phí để Sở Nội vụ triển khai, thực hiện.

3. Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư; Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa, các ngành và các đơn vị có liên quan căn cứ vào nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện và thanh toán, quyết toán nguồn kinh phí cho Sở Nội vụ, đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT Mai Xuân Liêm;
- PCVP Nguyễn Văn Chiến;
- Lưu: VT, CNTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

TỔNG DỰ TOÁN
NÂNG CẤP VÀ MỞ RỘNG PHẦN MỀM CHẤM ĐIỂM CHỈ SỐ CCHC, CHẤM ĐIỂM MỨC ĐỘ
HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ ĐẾN UBND CẤP XÃ
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: VNĐ.

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu, cách tính	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế	Ghi chú
I	Chi phí thiết bị	Gtb=Gpm+Gđt	1.438.973.782		1.438.973.782	
1	Chi phí nâng cấp phần mềm nội bộ	Gpm	900.283.782		900.283.782	Theo phụ lục 1
2	Chi phí tổ chức đào tạo hướng dẫn sử dụng phần mềm	Gđt	538.690.000		538.690.000	Theo phụ lục 2
II	Chi phí quản lý dự án	Gqlđa=Gtb*1,855*0,8	21.354.371	2.135.437	23.489.808	QĐ 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019
III	Chi phí tư vấn	Gtv	44.492.896	4.449.290	48.942.185	
1	Chi phí lập đề cương và dự toán chi tiết	Gtb*3,640%*0,7	36.665.052	3.666.505	40.331.557	QĐ 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019
2	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu	Gtb*0,405%	5.827.844	582.784	6.410.628	
3	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu	Mức tối thiểu	2.000.000	200.000	2.200.000	NĐ 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014
	TỔNG CỘNG:		1.504.821.049	6.584.727	1.511.405.776	
	TỔNG CỘNG (LÀM TRÒN):				1.511.000.000	

PHỤ LỤC 1:
TỔNG HỢP CHI PHÍ PHẦN MỀM

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Khoản mục chi phí	Cách tính	Giá trị	Kí hiệu
1	Giá trị phần mềm	$1,4 \times E \times P \times H$	514.742.014	G
2	Chi phí chung	$G \times 65\%$	334.582.309	C
3	Thu nhập chịu thuế tính trước	$(G + C) \times 6\%$	50.959.459	TL
Tổng cộng		G + C + TL	900.283.782	GPM

(Chi tiết cách tính như các bảng kèm theo)

BẢNG 1:
BẢNG SẮP XẾP THỨ TỰ ƯU TIÊN CÁC YÊU CẦU CHỨC NĂNG

TT	Mô tả yêu cầu	Phân loại	Mức độ	Ghi chú
1	Quản trị hệ thống có thể xem danh sách đơn vị cấp xã, phường, thị trấn	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
2	Quản trị hệ thống có thể thêm đơn vị cấp xã, phường, thị trấn	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
3	Quản trị hệ thống có thể sửa thông tin đơn vị cấp xã, phường, thị trấn	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
4	Quản trị hệ thống có thể xóa đơn vị cấp xã, phường, thị trấn	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
5	Quản trị hệ thống có thể tìm kiếm đơn vị cấp xã, phường, thị trấn	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
6	Quản trị hệ thống có thể phân quyền đơn vị cấp xã, phường, thị trấn	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
7	Quản trị hệ thống có thể xem danh sách mẫu báo cáo chấm điểm cho cấp xã, phường, thị trấn	Dữ liệu đầu ra	Trung bình	
8	Quản trị hệ thống có thể thêm mẫu báo cáo chấm điểm cho cấp xã, phường, thị trấn	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
9	Quản trị hệ thống có thể sửa mẫu báo cáo chấm điểm cho cấp xã, phường, thị trấn	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
10	Quản trị hệ thống có thể xoá mẫu báo cáo chấm điểm cho cấp xã, phường, thị trấn	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
11	Quản trị hệ thống có thể tìm kiếm mẫu báo cáo chấm điểm cho cấp xã, phường, thị trấn	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
12	Quản trị hệ thống có thể xem danh sách thuộc tính mẫu báo cáo chấm điểm cho cấp xã, phường, thị trấn	Dữ liệu đầu ra	Trung bình	
13	Quản trị hệ thống có thể thêm thuộc tính mẫu báo cáo chấm điểm cho cấp xã, phường, thị trấn	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
14	Quản trị hệ thống có thể sửa thuộc tính mẫu báo cáo chấm điểm cho cấp xã, phường, thị trấn	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
15	Quản trị hệ thống có thể xoá thuộc tính mẫu báo cáo chấm điểm cho cấp xã, phường, thị trấn	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	

16	Quản trị hệ thống có thể tìm kiếm thuộc tính mẫu báo cáo chấm điểm cho cấp xã, phường, thị trấn	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
17	Quản trị hệ thống có thể xem danh sách chỉ tiêu đánh giá của mẫu báo cáo chấm điểm cho cấp xã, phường, thị trấn	Dữ liệu đầu ra	Trung bình	
18	Quản trị hệ thống có thể thêm chỉ tiêu đánh giá của mẫu báo cáo chấm điểm cho cấp xã, phường, thị trấn	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
19	Quản trị hệ thống có thể sửa chỉ tiêu đánh giá của mẫu báo cáo chấm điểm cho cấp xã, phường, thị trấn	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
20	Quản trị hệ thống có thể xoá chỉ tiêu đánh giá của mẫu báo cáo chấm điểm cho cấp xã, phường, thị trấn	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
21	Quản trị hệ thống có thể tìm kiếm chỉ tiêu đánh giá của mẫu báo cáo chấm điểm cho cấp xã, phường, thị trấn	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
22	Quản trị hệ thống có thể xem danh sách kỳ chấm điểm theo từng mẫu báo cáo cho cấp xã, phường, thị trấn	Dữ liệu đầu ra	Trung bình	
23	Quản trị hệ thống có thể thêm kỳ chấm điểm theo từng mẫu báo cáo cho cấp xã, phường, thị trấn	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
24	Quản trị hệ thống có thể sửa kỳ chấm điểm theo từng mẫu báo cáo cho cấp xã, phường, thị trấn	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
25	Quản trị hệ thống có thể xoá kỳ chấm điểm theo từng mẫu báo cáo cho cấp xã, phường, thị trấn	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
26	Quản trị hệ thống có thể tìm kiếm kỳ chấm điểm theo từng mẫu báo cáo cho cấp xã, phường, thị trấn	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
27	Quản trị hệ thống có thể phân quyền chấm điểm các chỉ tiêu đến từng đơn vị cho cấp xã, phường, thị trấn	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
28	Quản trị hệ thống có thể xoá phân quyền chấm điểm các chỉ tiêu đến từng đơn vị cho cấp xã, phường, thị trấn	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
29	Quản trị hệ thống có thể phân quyền thẩm định các chỉ tiêu đến từng đơn vị cho cấp xã, phường, thị trấn	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	

30	Quản trị hệ thống có thể xoá phân quyền thẩm định các chỉ tiêu đến từng đơn vị cho cấp xã, phường, thị trấn	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
31	Quản trị hệ thống có thể phân quyền chi tiết cho nhân sự chấm số lượng đơn vị chi định	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
32	Người dùng có thể xem danh sách bộ chỉ tiêu đánh giá chi số CCHC	Dữ liệu đầu ra	Trung bình	
33	Người dùng có thể chấm điểm chỉ tiêu đánh giá chi số CCHC của đơn vị mình quản lý	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
34	Người dùng có thể thay đổi điểm chỉ tiêu đánh giá chi số CCHC của đơn vị mình quản lý trước khi gửi đánh giá	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
35	Người dùng có thể gửi đánh giá chi số CCHC của đơn vị mình quản lý	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
36	Người dùng có thể xem danh sách bộ chỉ tiêu đánh giá chi số CCHC	Dữ liệu đầu ra	Trung bình	
37	Người dùng có thể thẩm định chỉ tiêu đánh giá chi số CCHC của đơn vị và lĩnh vực mình quản lý	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
38	Người dùng có thể thay đổi điểm thẩm định chỉ tiêu đánh giá chi số CCHC của đơn vị mình quản lý trước khi gửi đánh giá	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
39	Người dùng có thể gửi thẩm định chi số CCHC của đơn vị và lĩnh vực mình quản lý	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
40	Người dùng có thể xem danh sách kết xuất bộ chỉ tiêu đánh giá chi số HTNV và CCHC	Dữ liệu đầu ra	Trung bình	
41	Người dùng có thể kết xuất kết quả chấm điểm và thẩm định HTNV và CCHC	Dữ liệu đầu ra	Trung bình	
42	Người dùng có thể in kết quả chấm điểm và thẩm định HTNV và CCHC	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
43	Người dùng có thể xem biểu đồ kết quả đánh giá chi số CCHC và HTNV	Dữ liệu đầu ra	Trung bình	
44	Người dùng có thể in biểu đồ kết quả chấm điểm và thẩm định CCHC và HTNV	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
45	Quản trị hệ thống có thể xem cấu hình tài khoản	Dữ liệu đầu ra	Trung bình	
46	Quản trị hệ thống có thể thêm cấu hình tài khoản	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	

47	Quản trị hệ thống có thể sửa cấu hình tài khoản	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
48	Quản trị hệ thống có thể xóa cấu hình tài khoản	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
49	Người dùng có thể liên kết tài khoản với tài khoản hệ thống đăng nhập tập trung của tỉnh	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
50	Người dùng có thể đăng nhập bằng tài khoản đăng nhập một lần trên hệ thống đăng nhập tập trung của tỉnh	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
51	Người dùng có thể đăng xuất tài khoản đăng nhập một lần trên hệ thống đăng nhập tập trung của tỉnh	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
52	Quản trị hệ thống có thể thêm tin thông báo	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
53	Quản trị hệ thống có thể sửa tin thông báo	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
54	Quản trị hệ thống có thể xóa tin thông báo	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
55	Quản trị hệ thống có thể tìm tin thông báo đã tạo	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
56	Quản trị hệ thống có thể xem tin thông báo đã tạo	Dữ liệu đầu ra	Trung bình	
57	Người dùng có thể tìm tin thông báo cũ	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
58	Người dùng có thể xem tin thông báo	Dữ liệu đầu ra	Trung bình	
59	Quản trị hệ thống có thể thêm cuộc thi	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
60	Quản trị hệ thống có thể sửa thông tin cuộc thi	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
61	Quản trị hệ thống có thể xóa cuộc thi	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
62	Quản trị hệ thống có thể tìm kiếm cuộc thi	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
63	Quản trị hệ thống có thể đóng/mở cuộc thi	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
64	Quản trị hệ thống có thể công bố kết quả cuộc thi	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
65	Quản trị hệ thống có thể thiết lập thông tin cuộc thi: Giới thiệu, thể lệ ...	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
66	Quản trị hệ thống có thể thêm lĩnh vực câu hỏi	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
67	Quản trị hệ thống có thể sửa lĩnh vực câu hỏi	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
68	Quản trị hệ thống có thể xóa lĩnh vực câu hỏi	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
69	Quản trị hệ thống có thể tìm kiếm lĩnh vực câu hỏi	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
70	Quản trị hệ thống có thể thêm câu hỏi	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	

71	Quản trị hệ thống có thể sửa nội dung câu hỏi	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
72	Quản trị hệ thống có thể xóa câu hỏi	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
73	Quản trị hệ thống có thể tìm kiếm câu hỏi	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
74	Quản trị hệ thống có thể nhập danh sách câu hỏi từ excel	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
75	Quản trị hệ thống có thể xuất danh sách câu hỏi ra excel	Dữ liệu đầu ra	Trung bình	
76	Khách truy cập có thể đăng ký thành viên của hệ thống bằng email	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
77	Khách truy cập có thể đăng ký thành viên của hệ thống bằng số điện thoại (có thể cấu hình dùng OTP hoặc không)	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
78	Thành viên đăng ký có thể đăng nhập hệ thống bằng email	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
79	Thành viên đăng ký có thể đăng nhập hệ thống bằng số điện thoại	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
80	Thành viên đăng ký có thể xem thông tin của lượt thi và hướng dẫn vào thi	Dữ liệu đầu ra	Trung bình	
81	Thành viên đăng ký có thể vào làm bài thi một hoặc nhiều lần (tùy theo cấu hình)	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
82	Thành viên đăng ký có thể vào thi tiếp trong trường hợp bài thi đang làm dở (do mất điện, tắt trình duyệt..)	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
83	Thành viên đăng ký có thể xem nội dung câu hỏi (có thể cấu hình đảo thứ tự câu hỏi, đảo thứ tự đáp án)	Dữ liệu đầu ra	Trung bình	
84	Thành viên đăng ký có thể thực hiện trả lời	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
85	Thành viên đăng ký có thể chuyển sang câu hỏi kế tiếp	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
86	Thành viên đăng ký có thể chuyển sang câu hỏi kế trước	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
87	Thành viên đăng ký có thể chọn một câu hỏi có thứ tự bất kỳ	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
88	Thành viên đăng ký có thể xem thời gian trả lời còn lại	Dữ liệu đầu ra	Trung bình	
89	Thành viên đăng ký có thể kết thúc bài thi trước thời gian	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
90	Thành viên đăng ký có thể xem tổng hợp kết quả số câu trả lời đúng/sai, thời gian làm bài sau khi kết thúc	Dữ liệu đầu ra	Trung bình	

91	Thành viên đăng ký có thể xem chi tiết kết quả làm bài thi sau khi kết thúc (tùy theo cấu hình cho phép/không cho phép xem)	Dữ liệu đầu ra	Trung bình	
92	Thành viên đăng ký có thể thực trả lời câu hỏi tự luận (tùy theo cấu hình có/không câu hỏi tự luận)	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
93	Thành viên đăng ký có thể xem danh sách các lần thi	Dữ liệu đầu ra	Trung bình	
94	Thành viên đăng ký có thể xem chi tiết của một lần thi	Dữ liệu đầu ra	Trung bình	
95	Quản trị hệ thống có thể xem danh sách bài làm của các thí sinh	Dữ liệu đầu ra	Trung bình	
96	Quản trị hệ thống có thể xem chi tiết bài làm của thí sinh	Dữ liệu đầu ra	Trung bình	
97	Quản trị hệ thống có thể tìm kiếm bài làm của thí sinh	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
98	Quản trị hệ thống có thể xuất excel danh sách bài làm của thí sinh	Dữ liệu đầu ra	Trung bình	
99	Quản trị hệ thống có thể chấm điểm câu hỏi tự luận của thí sinh (tùy theo cấu hình có/không câu hỏi tự luận)	Dữ liệu đầu vào	Trung bình	
100	Quản trị hệ thống có thể thống kê giải tập thể	Dữ liệu đầu ra	Trung bình	
101	Quản trị hệ thống có thể thống kê giải cá nhân	Dữ liệu đầu ra	Trung bình	
102	Quản trị hệ thống có thể thống kê theo cơ quan/đơn vị	Dữ liệu đầu ra	Trung bình	

BẢNG 2:**BẢNG CHUYỂN ĐỔI YÊU CẦU CHỨC NĂNG SANG TRƯỜNG HỢP SỬ DỤNG (USE-CASE)**

TT	Tên Use case	Tên tác nhân chính	Tên tác nhân phụ	Mô tả trường hợp sử dụng	Mức độ cần thiết	Độ phức tạp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>I</i>	<i>Nâng cấp phần mềm mở rộng quản lý bộ tiêu chí, phân hệ quản lý đơn vị và người dùng, thu thập dữ liệu chấm điểm đánh giá và thẩm định cho cấp xã, phường, thị trấn</i>					
1	Quản lý đơn vị cấp xã, phường, thị trấn	Quản trị hệ thống		<ol style="list-style-type: none"> 1. Quản trị hệ thống có thể xem danh sách đơn vị cấp xã, phường, thị trấn 2. Quản trị hệ thống có thể thêm đơn vị cấp xã, phường, thị trấn 3. Quản trị hệ thống có thể sửa thông tin đơn vị cấp xã, phường, thị trấn 4. Quản trị hệ thống có thể xóa đơn vị cấp xã, phường, thị trấn 5. Quản trị hệ thống có thể tìm kiếm đơn vị cấp xã, phường, thị trấn 6. Quản trị hệ thống có thể phân quyền đơn vị cấp xã, phường, thị trấn 	B	Trung bình
2	Quản lý mẫu báo cáo cấp xã, phường, thị trấn	Quản trị hệ thống		<ol style="list-style-type: none"> 1. Quản trị hệ thống có thể xem danh sách mẫu báo cáo chấm điểm cho cấp xã, phường, thị trấn 2. Quản trị hệ thống có thể thêm mẫu báo cáo chấm điểm cho cấp xã, phường, thị trấn 3. Quản trị hệ thống có thể sửa mẫu báo cáo chấm điểm cho cấp xã, phường, thị trấn 4. Quản trị hệ thống có thể xóa mẫu báo cáo chấm điểm cho cấp xã, phường, thị trấn 5. Quản trị hệ thống có thể tìm kiếm mẫu báo cáo chấm điểm cho cấp xã, phường, thị trấn 	B	Trung bình

3	Quản lý thuộc tính của mẫu báo cáo CCHC cấp xã, phường, thị trấn	Quản trị hệ thống		<ol style="list-style-type: none"> 1. Quản trị hệ thống có thể xem danh sách thuộc tính mẫu báo cáo chấm điểm cho cấp xã, phường, thị trấn 2. Quản trị hệ thống có thể thêm thuộc tính mẫu báo cáo chấm điểm cho cấp xã, phường, thị trấn 3. Quản trị hệ thống có thể sửa thuộc tính mẫu báo cáo chấm điểm cho cấp xã, phường, thị trấn 4. Quản trị hệ thống có thể xoá thuộc tính mẫu báo cáo chấm điểm cho cấp xã, phường, thị trấn 5. Quản trị hệ thống có thể tìm kiếm thuộc tính mẫu báo cáo chấm điểm cho cấp xã, phường, thị trấn 	B	Trung bình
4	Quản lý bộ chỉ tiêu đánh giá CCHC cấp xã, phường, thị trấn	Quản trị hệ thống		<ol style="list-style-type: none"> 1. Quản trị hệ thống có thể xem danh sách chỉ tiêu đánh giá của mẫu báo cáo chấm điểm cho cấp xã, phường, thị trấn 2. Quản trị hệ thống có thể thêm chỉ tiêu đánh giá của mẫu báo cáo chấm điểm cho cấp xã, phường, thị trấn 3. Quản trị hệ thống có thể sửa chỉ tiêu đánh giá của mẫu báo cáo chấm điểm cho cấp xã, phường, thị trấn 4. Quản trị hệ thống có thể xoá chỉ tiêu đánh giá của mẫu báo cáo chấm điểm cho cấp xã, phường, thị trấn 5. Quản trị hệ thống có thể tìm kiếm chỉ tiêu đánh giá của mẫu báo cáo chấm điểm cho cấp xã, phường, thị trấn 	B	Trung bình
5	Quản lý kỳ chấm điểm cấp xã, phường, thị trấn	Quản trị hệ thống		<ol style="list-style-type: none"> 1. Quản trị hệ thống có thể xem danh sách kỳ chấm điểm theo từng mẫu báo cáo cho cấp xã, phường, thị trấn 2. Quản trị hệ thống có thể thêm kỳ chấm điểm theo từng mẫu báo cáo cho cấp xã, phường, thị trấn 3. Quản trị hệ thống có thể sửa kỳ chấm điểm theo từng mẫu báo cáo cho cấp xã, phường, thị trấn 4. Quản trị hệ thống có thể xoá kỳ chấm điểm theo từng mẫu báo cáo cho cấp xã, phường, thị trấn 5. Quản trị hệ thống có thể tìm kiếm kỳ chấm điểm theo từng mẫu báo cáo cho cấp xã, phường, thị trấn 	B	Trung bình

6	Phân quyền báo cáo cấp xã, phường, thị trấn	Quản trị hệ thống		<ol style="list-style-type: none"> 1. Quản trị hệ thống có thể phân quyền chấm điểm các chỉ tiêu đến từng đơn vị cho cấp xã, phường, thị trấn 2. Quản trị hệ thống có thể xoá phân quyền chấm điểm các chỉ tiêu đến từng đơn vị cho cấp xã, phường, thị trấn 3. Quản trị hệ thống có thể phân quyền thẩm định các chỉ tiêu đến từng đơn vị cho cấp xã, phường, thị trấn 4. Quản trị hệ thống có thể xoá phân quyền thẩm định các chỉ tiêu đến từng đơn vị cho cấp xã, phường, thị trấn 5. Quản trị hệ thống có thể phân quyền chi tiết cho nhân sự chấm số lượng đơn vị chỉ định 	B	Trung bình
7	Chấm điểm CCHC cấp xã, phường, thị trấn	Cán bộ phụ trách của cơ quan/đơn vị		<ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng có thể xem danh sách bộ chỉ tiêu đánh giá chi số CCHC 2. Người dùng có thể chấm điểm chỉ tiêu đánh giá chi số CCHC của đơn vị mình quản lý 3. Người dùng có thể thay đổi điểm chỉ tiêu đánh giá chi số CCHC của đơn vị mình quản lý trước khi gửi đánh giá 4. Người dùng có thể gửi đánh giá chi số CCHC của đơn vị mình quản lý 	B	Trung bình
8	Thẩm định CCHC cấp xã, phường, thị trấn	Cán bộ cơ quan thẩm định cấp huyện		<ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng có thể xem danh sách bộ chỉ tiêu đánh giá chi số CCHC 2. Người dùng có thể thẩm định chỉ tiêu đánh giá chi số CCHC của đơn vị và lĩnh vực mình quản lý 3. Người dùng có thể thay đổi điểm thẩm định chỉ tiêu đánh giá chi số CCHC của đơn vị mình quản lý trước khi gửi đánh giá 4. Người dùng có thể gửi thẩm định chi số CCHC của đơn vị và lĩnh vực mình quản lý 	B	Trung bình

9	Báo cáo thống kê cấp xã, phường, thị trấn	Cán bộ phụ trách cơ quan/đơn vị, Cán bộ cơ quan thẩm định cấp huyện, Hội đồng đánh giá cấp huyện	Quản trị hệ thống	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng có thể xem danh sách kết xuất bộ chỉ tiêu đánh giá chi số HTNV và CCHC 2. Người dùng có thể kết xuất kết quả chấm điểm và thẩm định HTNV và CCHC 3. Người dùng có thể in kết quả chấm điểm và thẩm định HTNV và CCHC 	B	Đơn giản
10	Biểu đồ cấp xã, phường, thị trấn	Cán bộ phụ trách cơ quan/đơn vị, Cán bộ cơ quan thẩm định cấp huyện, Hội đồng đánh giá cấp huyện	Quản trị hệ thống	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng có thể xem biểu đồ kết quả đánh giá chi số CCHC và HTNV 2. Người dùng có thể in biểu đồ kết quả chấm điểm và thẩm định CCHC và HTNV 	B	Đơn giản
II Tích hợp hệ thống quản lý đăng nhập tập trung của tỉnh						
1	Cấu hình tài khoản	Quản trị hệ thống		<ol style="list-style-type: none"> 1. Quản trị hệ thống có thể xem cấu hình tài khoản 2. Quản trị hệ thống có thể thêm cấu hình tài khoản 3. Quản trị hệ thống có thể sửa cấu hình tài khoản 4. Quản trị hệ thống có thể xóa cấu hình tài khoản 	B	Trung bình

2	Liên kết tài khoản	Cán bộ phụ trách cơ quan/đơn vị, Cán bộ cơ quan thẩm định cấp huyện, Hội đồng đánh giá cấp huyện, Quản trị hệ thống		1. Người dùng có thể liên kết tài khoản với tài khoản hệ thống đăng nhập tập trung của tỉnh	B	Đơn giản
3	Đăng nhập bằng hệ thống đăng nhập tập trung của tỉnh	Cán bộ phụ trách cơ quan/đơn vị, Cán bộ cơ quan thẩm định cấp huyện, Hội đồng đánh giá cấp huyện, Quản trị hệ thống		1. Người dùng có thể đăng nhập bằng tài khoản đăng nhập một lần trên hệ thống đăng nhập tập trung của tỉnh	B	Đơn giản

4	Đăng xuất trên hệ thống đăng nhập tập trung của tỉnh	Cán bộ phụ trách cơ quan/đơn vị, Cán bộ cơ quan thẩm định cấp huyện, Hội đồng đánh giá cấp huyện, Quản trị hệ thống		1. Người dùng có thể đăng xuất tài khoản đăng nhập một lần trên hệ thống đăng nhập tập trung của tỉnh	B	Đơn giản
III Tích hợp nhắn tin thông báo nhắc lịch chấm điểm và thông báo tin tức hệ thống						
1	Quản lý tin thông báo cho người dùng	Quản trị hệ thống		<ol style="list-style-type: none"> 1. Quản trị hệ thống có thể thêm tin thông báo 2. Quản trị hệ thống có thể sửa tin thông báo 3. Quản trị hệ thống có thể xóa tin thông báo 4. Quản trị hệ thống có thể tìm tin thông báo đã tạo 5. Quản trị hệ thống có thể xem tin thông báo đã tạo 	B	Trung bình
2	Xem lịch sử tin thông báo của người dùng	Cán bộ phụ trách cơ quan/đơn vị, Cán bộ cơ quan thẩm định cấp huyện, Hội đồng đánh giá cấp huyện		<ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng có thể tìm tin thông báo cũ 2. Người dùng có thể xem tin thông báo 	B	Đơn giản
IV Bổ sung tính năng tổ chức các cuộc thi trực tuyến						

1	Quản lý cuộc thi	Quản trị hệ thống		<ol style="list-style-type: none"> 1. Quản trị hệ thống có thể thêm cuộc thi 2. Quản trị hệ thống có thể sửa thông tin cuộc thi 3. Quản trị hệ thống có thể xóa cuộc thi 4. Quản trị hệ thống có thể tìm kiếm cuộc thi 5. Quản trị hệ thống có thể đóng/mở cuộc thi 6. Quản trị hệ thống có thể công bố kết quả cuộc thi 7. Quản trị hệ thống có thể thiết lập thông tin cuộc thi: Giới thiệu, thể lệ ... 	B	Trung bình
2	Quản lý lĩnh vực câu hỏi	Quản trị hệ thống		<ol style="list-style-type: none"> 1. Quản trị hệ thống có thể thêm lĩnh vực câu hỏi 2. Quản trị hệ thống có thể sửa lĩnh vực câu hỏi 3. Quản trị hệ thống có thể xóa lĩnh vực câu hỏi 4. Quản trị hệ thống có thể tìm kiếm lĩnh vực câu hỏi 	B	Đơn giản
3	Quản lý câu hỏi	Quản trị hệ thống		<ol style="list-style-type: none"> 1. Quản trị hệ thống có thể thêm câu hỏi 2. Quản trị hệ thống có thể sửa nội dung câu hỏi 3. Quản trị hệ thống có thể xóa câu hỏi 4. Quản trị hệ thống có thể tìm kiếm câu hỏi 5. Quản trị hệ thống có thể nhập danh sách câu hỏi từ excel 6. Quản trị hệ thống có thể xuất danh sách câu hỏi ra excel 	B	Trung bình
4	Đăng ký thành viên	Thành viên đăng ký		<ol style="list-style-type: none"> 1. Khách truy cập có thể đăng ký thành viên của hệ thống bằng email 2. Khách truy cập có thể đăng ký thành viên của hệ thống bằng số điện thoại (có thể cấu hình dùng OTP hoặc không) 	B	Đơn giản
5	Đăng nhập hệ thống	Thành viên đăng ký		<ol style="list-style-type: none"> 1. Thành viên đăng ký có thể đăng nhập hệ thống bằng email 2. Thành viên đăng ký có thể đăng nhập hệ thống bằng số điện thoại 	B	Đơn giản

6	Vào thi	Thành viên đăng ký	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thành viên đăng ký có thể xem thông tin của lượt thi và hướng dẫn vào thi 2. Thành viên đăng ký có thể vào làm bài thi một hoặc nhiều lần (tùy theo cấu hình) 3. Thành viên đăng ký có thể vào thi tiếp trong trường hợp bài thi đang làm dở (do mất điện, tắt trình duyệt..) 4. Thành viên đăng ký có thể xem nội dung câu hỏi (có thể câu hình đảo thứ tự câu hỏi, đảo thứ tự đáp án) 5. Thành viên đăng ký có thể thực hiện trả lời 6. Thành viên đăng ký có thể chuyển sang câu hỏi kế tiếp 7. Thành viên đăng ký có thể chuyển sang câu hỏi kế trước 8. Thành viên đăng ký có thể chọn một câu hỏi có thứ tự bất kỳ 9. Thành viên đăng ký có thể xem thời gian trả lời còn lại 10. Thành viên đăng ký có thể kết thúc bài thi trước thời gian 11. Thành viên đăng ký có thể xem tổng hợp kết quả số câu trả lời đúng/sai, thời gian làm bài sau khi kết thúc 12. Thành viên đăng ký có thể xem chi tiết kết quả làm bài thi sau khi kết thúc (tùy theo cấu hình cho phép/không cho phép xem) 13. Thành viên đăng ký có thể thực trả lời câu hỏi tự luận (tùy theo cấu hình có/không câu hỏi tự luận) 	B	Phức tạp
7	Xem lại kết quả lần thi trước	Thành viên đăng ký	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thành viên đăng ký có thể xem danh sách các lần thi 2. Thành viên đăng ký có thể xem chi tiết của một lần thi 	B	Đơn giản

8	Xem chi tiết bài làm của thí sinh	Quản trị hệ thống		<ol style="list-style-type: none"> 1. Quản trị hệ thống có thể xem danh sách bài làm của các thí sinh 2. Quản trị hệ thống có thể xem chi tiết bài làm của thí sinh 3. Quản trị hệ thống có thể tìm kiếm bài làm của thí sinh 4. Quản trị hệ thống có thể xuất excel danh sách bài làm của thí sinh 5. Quản trị hệ thống có thể chấm điểm câu hỏi tự luận của thí sinh (tùy theo cấu hình có/không câu hỏi tự luận) 	B	Trung bình
9	Thống kê, báo cáo	Quản trị hệ thống		<ol style="list-style-type: none"> 1. Quản trị hệ thống có thể thống kê giải tập thể 2. Quản trị hệ thống có thể thống kê giải cá nhân 3. Quản trị hệ thống có thể thống kê theo cơ quan/đơn vị 	B	Đơn giản

**BẢNG 3:
BẢNG TÍNH TOÁN ĐIỂM CÁC TÁC NHÂN (ACTORS)
TƯƠNG TÁC, TRAO ĐỔI THÔNG TIN VỚI PHẦN MỀM**

TT	Loại actor	Mô tả	Số tác nhân	Điểm của từng loại tác nhân	Ghi chú
1	Đơn giản (Simple actor)	Thuộc loại giao diện của chương trình	2	2	
2	Trung bình (average actor)	Giao diện tương tác hoặc phục vụ một giao thức hoạt động (HT)	0	0	
3	Phức tạp (complex actor)	Giao diện đồ hoạ	5	15	
Cộng (1+2+3)		TAW	7	17	

1	CB-ĐV	Cán bộ phụ trách của cơ quan, đơn vị cấp xã	Phức tạp
2	CB-CQTĐ	Cán bộ cơ quan thẩm định cấp huyện	Phức tạp
3	HĐĐG	Hội đồng đánh giá cấp huyện	Phức tạp
4	QTHT	Quản trị hệ thống	Phức tạp
5	TVĐK	Thành viên đăng ký dự thi trực tuyến	Phức tạp
6	SSO	Hệ thống đăng nhập tập trung của tỉnh	Đơn giản
7	SMS	Hệ thống gửi tin nhắn thông báo	Đơn giản

**BẢNG 4:
BẢNG TÍNH TOÁN ĐIỂM CÁC TRƯỜNG HỢP SỬ DỤNG (USE-CASE)**

TT	Loại	Số trường hợp sử dụng (Use- case)	Điểm của từng loại trường hợp sử dụng	Mô tả
1	B			Các yêu cầu thảo mãn thì phần mềm mới được chấp nhận. use-case đơn giản <4 transactions hoặc đường chỉ thị
	Đơn giản	11	55	
	Trung bình	13	130	
	Phức tạp	1	15	
2	M			Các chức năng không phải là cốt lõi hay các chức năng phụ trợ hoặc theo yêu cầu của bên đặt hàng. use - case trung bình từ 4 -7 transactions
	Đơn giản	0	0	
	Trung bình	0	0	
	Phức tạp	0	0	
3	T			Các yêu cầu được tư vấn thêm hoặc đưa ra để bên đặt hàng lựa chọn thêm nếu muốn use-case phức tạp >7 transactions
	Đơn giản	0	0	
	Trung bình	0	0	
	Phức tạp	0	0	
Cộng (1+2+3)		25	200	TBF

**BẢNG 5:
BẢNG TÍNH TOÁN HỆ SỐ PHỨC TẠP KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ**

TT	Các hệ số	Giá trị xếp hạng	Kết quả	Ghi chú
I	Hệ số KT-CN (TFW)		32,5	
1	Hệ thống phân tán (Distributed System)	1	2	
2	Tính chất đáp ứng tức thời hoặc yêu cầu đảm bảo thông lượng (Response throughput performance objectives)	3	3	
3	Hiệu quả sử dụng trực tuyến (End user efficiency online)	3	3	
4	Độ phức tạp của xử lý bên trong (Complex internal processing)	3	3	
5	Mã nguồn phải tái sử dụng được (Code must be reuseable)	2	2	
6	Dễ cài đặt (Easy to install)	2	1	
7	Dễ sử dụng (Easy to use)	3	1,5	
8	Khả năng chuyển đổi (Portable)	2	4	
9	Khả năng dễ thay đổi (Easy to change)	3	3	
10	Sử dụng đồng thời (Concurrent)	3	3	
11	Có khả năng bảo mật đặc biệt	3	3	
12	Cung cấp truy nhập trực tiếp tới các phần mềm third party	2	2	
13	Yêu cầu phương tiện đào tạo đặc biệt cho người sử dụng	2	2	
II	Hệ số độ phức tạp về KT-CN (TCF)		0,925	

BẢNG 6:
BẢNG TÍNH TOÁN HỆ SỐ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
VÀ NHÓM LÀM VIỆC, HỆ SỐ PHỨC TẠP VỀ MÔI TRƯỜNG

TT	Các hệ số tác động môi trường	Giá trị xếp hạng	Kết quả	Đánh giá độ ổn định KN
I	Hệ số tác động môi trường và nhóm làm việc (EFW)	20	15,5	
	<i>Đánh giá cho từng thành viên</i>			
1	Có áp dụng qui trình phát triển phần mềm theo mẫu RUP và có hiểu biết về RPU	3	4,5	1
2	Có kinh nghiệm về ứng dụng tương tự (application experiences)	3	1,5	0,1
3	Có kinh nghiệm về hướng đối tượng (Object Oriented)	3	3	0,6
4	Có khả năng lãnh đạo nhóm	3	1,5	0,1
5	Tính chất năng động	2	2	0,1
	<i>Đánh giá chung cho dự án</i>			
6	Độ ổn định của các yêu cầu	3	6	1
7	Có sử dụng các nhân viên làm Part-time (một phần thời gian)	0	0	0
8	Dùng ngôn ngữ lập trình loại khó	3	-3	0
II	Hệ số phức tạp về môi trường (EF)		0,935	
III	Độ ổn định kinh nghiệm (ES)			2,9
IV	Nội suy thời gian lao động (P)			32

**BẢNG 7:
BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ PHẦN MỀM**

STT	Hạng mục	Diễn giải	Giá trị	Ghi chú
I	Tính điểm trường hợp sử dụng			
1	Điểm actor (TAW)		17	
2	Điểm Use - case (TBF)		200	
3	Tính điểm UUCP	$UCCP=TAW+TBF$	217	
4	Hệ số phức tạp về KT-CN(TCF)	$TCF=0,6+(0,01*TFW)$	0,925	
5	Hệ số phức tạp về môi trường (EF)	$EF=1,4+(-0,03*EFW)$	0,935	
6	Tính điểm AUCP	$AUCP=UUCP*TCF*EF$	187,68	
II	Nội suy thời gian lao động (P)	$P=người/giờ/AUCP$	32	
III	Giá trị nỗ lực thực tế (E)	$E=10/6*AUCP$	312,80	
IV	Mức lao động bình quân (H)	$H=người /giờ$	36.732	Kỹ sư bậc 2
V	Định giá phần mềm nội bộ (G)	$G=1,4*E*P*H$	514.742.014	

**BẢNG 8:
BẢNG CĂN CỨ TÍNH LƯƠNG**

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Tiêu chí xác định	Ký hiệu	Cấp bậc, hệ số, mức lương					
			KS1	KS2	KS3	KS4	KS5	KS6
1	Hệ số lương	Hcb	2,34	2,65	2,96	3,27	3,58	3,89
2	Mức lương cơ sở	MLcs	1.490.000	1.490.000	1.490.000	1.490.000	1.490.000	1.490.000
3	Mức lương theo hệ số	Lhs	3.486.600	3.948.500	4.410.400	4.872.300	5.334.200	5.796.100
4	Hệ số điều chỉnh (vùng III)	Hdc	0,7	0,7	0,7	0,7	0,7	0,7
5	Lương sau điều chỉnh vùng	Lv	5.927.220	6.712.450	7.497.680	8.282.910	9.068.140	9.853.370
6	Chi phí bảo hiểm (23,5%)	BHld	819.351	927.898	1.036.444	1.144.991	1.253.537	1.362.084
7	Mức lương lao động/tháng	Lt	6.746.571	7.640.348	8.534.124	9.427.901	10.321.677	11.215.454
8	Mức lương lao động/ngày	Lng	259.484	293.860	328.236	362.612	396.988	431.364
9	Mức lương lao động/giờ	Lg	32.435	36.732	41.029	45.326	49.623	53.920

Ghi chú:

- Căn cứ Quyết định số 129/QĐ-BTTTT ngày 03 tháng 02 năm 2021 hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

- Chi phí bảo hiểm (23,5%) bao gồm: BHXH: 17,5%, BHYT: 3%, BHTN: 1%, CPCĐ: 2%.

PHỤ LỤC 2:
CHI PHÍ ĐÀO TẠO TẬP HUẤN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Các khoản mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Chi thuê hội trường, phòng học	Ngày	28	3.000.000	84.000.000	
2	Chi thuê thiết bị giảng dạy				216.400.000	
2.1	Chi thuê Projector cường độ sáng 2600 ANSI và màn chiếu	Ngày	28	800.000	22.400.000	
2.2	Chi thuê máy tính cho học viên (2 học viên sử dụng chung 01 máy)	Bộ/ngày	640	150.000	96.000.000	
2.3	Chi thuê đường truyền internet và phần tử mạng (switch, cáp truyền dẫn...)	Bộ	28	1.000.000	28.000.000	
2.4	Chi vận chuyển thiết bị đến địa điểm đào tạo (tính định mức trung bình 2.500.000đ/ngày)	Ngày	28	2.500.000	70.000.000	
3	Chi thuê giảng viên, trợ giảng				100.600.000	
3.1	Chi thù lao giảng viên chính	Người/ngày	28	1.000.000	28.000.000	
3.2	Chi thù lao trợ giảng (2 người/lớp)	Người/ngày	56	500.000	28.000.000	
3.3	Chi cho quản lý lớp học	Người/ngày	28	200.000	5.600.000	
3.4	Chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên và trợ giảng (3 người/lớp x 26 ngày ở các huyện = 78 ngày)	Ngày	78	200.000	15.600.000	
3.5	Chi tiền nghỉ cho giảng viên và trợ giảng (3 người/lớp x 26 ngày ở các huyện = 78 ngày)	Ngày	78	300.000	23.400.000	
4	Tài liệu, VPP cho học viên	Bộ	1.279	30.000	38.370.000	Số cán bộ tham gia đào tạo theo phụ lục 2.1

5	Chi giải khát giữa giờ (1.279 học viên + 03 cán bộ (Giảng viên, trợ giảng x 28 lớp = 84 người))	Người/ngày	1.363	40.000	54.520.000	
6	Chi khẩu trang, nước sát khuẩn	Lớp	28	100.000	2.800.000	
7	Chi maket phục vụ lớp học (27 huyện và 01 lớp sở ngành)	Cái	28	1.500.000	42.000.000	
Tổng cộng:					538.690.000	

Phụ lục 2.1: Số lượng học viên tham gia đào tạo

TT	Đơn vị	Chi tiết	Số lượng đơn vị	Số người đào tạo	Số lớp	Số người TB mỗi lớp	Ghi chú
A	Các đơn vị cấp tỉnh		26	26	1		
1	Các cơ quan đơn vị cấp tỉnh (VP UBND tỉnh, 16 sở, 9 ban/ngành)	Mỗi đơn vị 1 người	26	26	1	26	
B	Các đơn vị cấp huyện, xã (mỗi UBND huyện 5 người, mỗi UBND phường/xã 2 người)		559	1.253	27		
1	TP. Thanh Hóa	30 phường, 4 xã	34	73	1	73	
2	Sầm Sơn	8 phường, 3 xã	11	27	1	27	
3	Bỉm Sơn	6 phường, 1 xã	7	19	1	19	
4	Nghi Sơn	16 phường, 15 xã	31	67	1	67	
5	Bá Thước	1 thị trấn, 20 xã	21	47	1	47	
6	Cẩm Thủy	1 thị trấn, 16 xã	17	39	1	39	
7	Đông Sơn	1 thị trấn, 13 xã	14	33	1	33	
8	Hà Trung	1 thị trấn, 19 xã	20	45	1	45	
9	Hậu Lộc	1 thị trấn, 22 xã	23	51	1	51	
10	Hoằng Hóa	1 thị trấn, 36 xã	37	79	1	79	
11	Lang Chánh	1 thị trấn, 9 xã	10	25	1	25	
12	Mường Lát	1 thị trấn, 7 xã	8	21	1	21	
13	Nga Sơn	1 thị trấn, 23 xã	24	53	1	53	
14	Ngọc Lặc	1 thị trấn, 20 xã	21	47	1	47	
15	Như Thanh	1 thị trấn, 13 xã	14	33	1	33	
16	Như Xuân	1 thị trấn, 15 xã	16	37	1	37	
17	Nông Công	1 thị trấn, 28 xã	29	63	1	63	
18	Quan Hóa	1 thị trấn, 14 xã	15	35	1	35	

19	Quan Sơn	1 thị trấn, 11 xã	12	29	1	29	
20	Quảng Xương	1 thị trấn, 25 xã	26	57	1	57	
21	Thạch Thành	2 thị trấn, 23 xã	25	55	1	55	
22	Thiệu Hóa	1 thị trấn, 24 xã	25	55	1	55	
23	Thọ Xuân	3 thị trấn, 27 xã	30	65	1	65	
24	Thường Xuân	1 thị trấn, 15 xã	16	37	1	37	
25	Triệu Sơn	2 thị trấn, 32 xã	34	73	1	73	
26	Vĩnh Lộc	1 thị trấn, 12 xã	13	31	1	31	
27	Yên Định	4 thị trấn, 22 xã	26	57	1	57	
TỔNG CỘNG			585	1.279	28		